Lesson Sheet

B1 · Week 3 · Session 2 · b1-w03-s2 · v1 draft

National Parks and Ecotourism

• Học sinh sử dụng từ vựng về vườn quốc gia, du lịch sinh thái và nguyên tắc bảo vệ môi trường khi đi dã ngoại.

• Học sinh nắm vững và sử dụng chính xác mệnh đề quan hệ với 'where' (nơi chốn) và 'whose' (sở hữu).

Grammar: Defining Relative Clauses: Where & Whose (Mệnh đề quan hệ với Where & Whose)

'Where' được dùng thay thế cho danh từ chỉ nơi chốn khi mệnh đề quan hệ diễn tả một hành động diễn ra tại địa điểm đó (where = in/at which; lưu ý sau 'where' luôn là một mệnh đề S + V hoàn chỉnh). 'Whose' là đại từ quan hệ chỉ sở hữu, dùng cho cả người, động vật lẫn tổ chức (thay thế cho his, her, their, its).

Nơi chốn: Noun (place) + where + S + V | Sở hữu: Noun (person/thing) + whose + noun + V

Khởi động và làm quen từ vựng Du lịch sinh thái · 10 phút
Học sinh ghép nối các thuật ngữ du lịch sinh thái với định nghĩa tương ứng và luyện phát âm 8 từ vựng mới.

Đọc hiểu về Vườn Quốc gia Cúc Phương và luyện Mệnh đề quan hệ Where/Whose · 20 phút
Học sinh đọc bài văn 164 từ về Cúc Phương, phân tích cách dùng 'where' và 'whose' trong ngữ cảnh bài đọc.

Luyện nghe quy định kiểm lâm và thảo luận về du lịch xanh · 15 phút
Học sinh nghe chỉ dẫn của hướng dẫn viên tại Vườn Quốc gia Cát Tiên và thảo luận về các quy tắc du lịch có trách nhiệm.

Viết cẩm nang du lịch có trách nhiệm và làm bài kiểm tra trắc nghiệm · 10 phút
Học sinh viết đoạn văn khuyên du khách bảo vệ vườn quốc gia và hoàn thành 8 câu hỏi trắc nghiệm.

Vocabulary Worksheet

B1 · Week 3 · Session 2 · b1-w03-s2 · v1 draft

Viết nghĩa tiếng Việt và một câu của riêng con cho từng từ.

ecotourism /ˈiːkəʊtʊərɪzəm/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

reserve /rɪˈzɜːv/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

sustainable /səˈsteɪnəbl/ (adjective)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

trail /treɪl/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

pristine /ˈprɪstiːn/ (adjective)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

ranger /ˈreɪndʒə(r)/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

destination /ˌdestɪˈneɪʃn/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

footprint /ˈfʊtprɪnt/ (noun)
Nghĩa: _____
My sentence: _____

Grammar Worksheet

B1 · Week 3 · Session 2 · b1-w03-s2 · v1 draft

Defining Relative Clauses: Where & Whose (Mệnh đề quan hệ với Where & Whose)

Nơi chốn: Noun (place) + where + S + V | Sở hữu: Noun (person/thing) + whose + noun + V

Complete the sentence: 'Cuc Phuong is a magnificent rainforest _____ travelers can observe rare butterflies and ancient trees.'
A. where
B. whose
C. who

Choose the correct relative pronoun indicating possession: 'We thanked the friendly ranger _____ guidance kept us safe along the mountain trail.'
A. whose
B. which
C. where

Vận dụng

Viết 5 câu của riêng con sử dụng cấu trúc vừa học.

Reading Worksheet

B1 · Week 3 · Session 2 · b1-w03-s2 · v1 draft

Ecotourism in Cuc Phuong National Park

Established in 1962, Cuc Phuong is Vietnam's oldest national park, covering over 22,000 hectares of lush rainforest. It is a world-renowned destination where travelers can discover incredible biodiversity, towering thousand-year-old trees, and limestone caves. Unlike mass commercial travel which often damages delicate landscapes, Cuc Phuong promotes sustainable ecotourism that educates visitors while funding wildlife conservation.

Tourists are guided along designated forest trails where they can observe colorful butterflies, rare bird species, and exotic orchids. Visitors frequently meet dedicated park rangers whose daily mission is to protect native fauna from poachers and forest fires. The park is also home to specialized rescue centers whose staff rehabilitate endangered langurs, pangolins, and turtles confiscated from the black market. Ecotourists are taught to follow strict green rules: leave nothing but footprints, take nothing but photos, and respect wild creatures in their natural habitat. By supporting local communities whose income depends on eco-friendly homestays, this national park proves that tourism and environmental preservation can successfully thrive together.

According to the reading passage, what special historical fact is mentioned about Cuc Phuong National Park?

A. It is Vietnam's oldest national park, established in 1962

B. It is the newest amusement resort built in 2024

C. It has no living trees or animals inside

What famous eco-travel rule is taught to visitors in Cuc Phuong?

A. Leave nothing but footprints, take nothing but photos

B. Collect as many rare orchids as you can carry

C. Light open campfires near dry grass

Viết một điều con nhớ từ bài đọc:

Listening Worksheet

B1 · Week 3 · Session 2 · b1-w03-s2 · v1 draft

A Guide Explaining Green Rules in a Nature Reserve

Lần nghe 1: Nghe để biết tên vườn quốc gia mà đoàn du khách đang tham quan và loài động vật lớn nào sinh sống ở đó.
Lần nghe 2: Chú ý lý do tại sao du khách phải đi trên đường mòn và cách nhận diện nhân viên kiểm lâm bằng phù hiệu.

In the listening guide at Cat Tien National Park, why are hikers forbidden from walking off the paths?
A. So their presence will not disturb resting wildlife
B. Because the wooden paths are made of chocolate
C. Because tourists must run as fast as possible

How can visitors recognize the national park rangers in Cat Tien?
A. Their uniform displays a special green badge
B. They wear pirate hats and sunglasses
C. They carry colorful umbrellas

Từ hoặc cụm từ con nghe được

Mở audio trên trang bài học. Transcript nằm trong Answer Key của phụ huynh.

Writing Worksheet

B1 · Week 3 · Session 2 · b1-w03-s2 · v1 draft

Write a short paragraph (80-120 words) giving advice to tourists on how to travel responsibly in a national park.

Độ dài tham khảo: 80–120 từ.

• Câu mở đoạn: Khẳng định ý nghĩa của việc du lịch có trách nhiệm tại các vườn quốc gia.

• Thân đoạn: Nêu các quy tắc cụ thể (ở trên đường mòn nơi động vật không bị làm phiền, hỗ trợ người dân địa phương bằng câu with where/whose).

• Câu kết đoạn: Nhấn mạnh thông điệp bảo vệ thiên nhiên nguyên sơ cho các thế hệ sau.

Checklist

¡Sử dụng chính xác cấu trúc 'where' và 'whose' trong bài viết.

¡Đưa ra các lời khuyên thiết thực, mang tính thuyết phục cao.

¡Đảm bảo độ dài đoạn văn từ 80 đến 120 từ.

Speaking Card

B1 · Week 3 · Session 2 · b1-w03-s2 · v1 draft

Discuss the benefits of ecotourism compared to mass tourism with a partner.

Have you ever visited a national park or natural reserve where you observed wild animals?

Why is ecotourism better for local communities whose living depends on the forest?

What green rules should tourists follow when visiting pristine natural areas?

Bố mẹ quan sát

¡Sử dụng đúng mệnh đề quan hệ với 'where' và 'whose'.
¡So sánh được điểm khác biệt cốt lõi giữa du lịch sinh thái và du lịch đại trà.

Từ vựng gợi ý

ecotourism · reserve · sustainable · trail · pristine · ranger · destination · footprint